

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học năm học 2021-2022

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng Trong đó:	158.000	x		
a	Trụ sở chính	158.000	x		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại...				
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học Trong đó:	87.319			
a	Trụ sở chính		x		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại...				



B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm	37	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	6.693	x		
2	Phòng thực hành	33	Đào tạo	Sinh viên	3.293	x		
3	Giảng đường (gồm 148 phòng học)	5	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	17.126	x		
4	Nhà tập đa năng	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	3.797	x		
5	Nhà thể thao cán bộ	1			270	x		
6	Diện tích bể bơi	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	1.250	x		
7	Diện tích sân vận động	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	18.375	x		
8	Diện tích sân tennis	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	1.780	x		
9	Diện tích sân bóng rổ	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	198	x		
10	Diện tích sân bóng chuyền	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	3.000	x		
12	Ký túc xá thuộc cơ sở đào tạo quản lý	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	23.128	x		
13	Nhà ăn sinh viên	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	1.500	x		
14	Hội trường	2	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	3.090	x		
15	Phòng trực tuyến (A1A, 104 A4, 505 thư viện)	3	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	258	x		
16	Thư viện 5 tầng	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	2.934	x		
17	Thư viện 2 tầng	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	1.087			
18	Phòng Thực hành máy tính trong (GĐB3 406)	1	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	50	x		
19	Phòng học Ngoại ngữ (405 B3), tin học GĐ B3 (7p), TH sư phạm các môn học (trong 504, 505 GĐB2, 306 A5, Nhà đa năng)	12	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	831	x		
20	Phòng học nhạc, họa, múa	4	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	268	x		
21	Phòng thực hành mầm non	3	Đào tạo		111			
22	Phòng Studio (trong Đa năng, 506 TTTT – TV)	2	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	140	x		
23	Nhà làm việc và NCKH A1, A2, A3, A4, A5, trạm y tế	6	Đào tạo	ĐH, Ths, TS	14.477	x		
24	Trung tâm phát triển kỹ năng Sư phạm	1		ĐH, Ths, TS	4.400	x		
25	Nhà để xe Học sinh, sinh viên	5			4250	X		
26	Bốt bảo vệ	3			24	x		

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	12
2	Số chỗ ngồi đọc	800
3	Số máy tính của thư viện	100
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	22.924 đầu tài liệu/ 12.2736 cuốn
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	01

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	49 m ² /SV
2	Diện tích sàn/sinh viên	12,60m ² /SV

Người lập biểu



Cao Tiến Khoa

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 05 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. MAI XUÂN TRƯỜNG

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học 2021 – 2022
(Tính đến 29 tháng 04 năm 2022)

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	12
2	Số chỗ ngồi đọc	800
3	Số máy tính của thư viện	100
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	22.924 đầu tài liệu/ 122.736 cuốn
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	01

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



ThS. Phạm Thị Minh Nguyệt

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Mai Xuân Trường